



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10 - 11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	12 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà, tiền thân là Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Công ty Vật tư thiết bị - trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 63 TCT/TCLĐ ngày 01/01/1994 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà. Theo Quyết định số 01 TCT/TCLĐ ngày 19/11/1996 Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1 được đổi tên thành Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 thuộc Công ty Xây lắp Vật tư Vận tải Sông Đà 12 kể từ ngày 20/11/1996. Theo Quyết định số 21 TCT/TCĐT ngày 21/03/2002 Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 được đổi tên thành Xí nghiệp Sông Đà 12.1 thuộc Công ty Sông Đà 12. Sau đó Xí nghiệp Sông Đà 12.1 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà theo Quyết định số 1156/QĐ - BXD ngày 14/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005151 ngày 19/08/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 06 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **28.000.000.000** đồng (*Hai mươi tám tỷ đồng chẵn*).

Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó:

- Tỷ lệ vốn nhà nước: 6,25 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng khác: 93,75 % vốn điều lệ

Danh sách Cổ đông sáng lập

STT	Cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1.	Công ty Sông Đà 12 – Tổng Công ty Sông Đà	Tầng 3, Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	175,000
2.	Ninh Mạnh Hồng	Số 10, ngách 495/1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Đã chuyển nhượng hết
3.	18 Cổ đông khác		444,870

1120
CỘNG HÒA
HỘI
TOÁN
VIỆ
GIÁ

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDS.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở và đô thị;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu, sân bay);
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa, trạm bơm);
- Xây dựng đường dây tải điện và trạm biến thế;
- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Thiết kế kết cấu, hạ tầng kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Lập tổng dự toán xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Tư vấn lập hồ sơ thầu và lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực xây dựng;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thẩm tra dự án, thẩm tra thiết kế, thẩm tra tổng dự toán, công trình;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Sản xuất, lắp đặt cửa kính, khung nhôm, cửa cuốn;
- Sản xuất, lắp đặt vách ngăn, trần giả bằng mọi chất liệu, gia công lắp dựng hoa, cửa sắt, lan can inox;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân;
- Kinh doanh khai thác dịch vụ về nhà ở, văn phòng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng karaoke, vũ trường, quán bar)
- Kinh doanh máy móc, nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất (không bao gồm những mặt hàng nhà nước cấm);
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

Công ty có một chi nhánh có trụ sở tại số 37B/464 đường Âu Cơ - Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội là đơn vị phụ thuộc, được quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của đơn vị này.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch
Ông Dương Văn Báu	Thành viên
Ông Nguyễn Đại Lưu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sự	Thành viên
Ông Vũ Văn Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Văn Báu	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Đại Lưu	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

122
G
T
M
H
V
A
E
N
A
M

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ



Dương Văn Báu

Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2012

9.C
T.Y
ĐU
INH
AM
P.



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 96 - 12/BC-TC /II-VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011

của Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2011 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2011 được lập ngày 18 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 29 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Công ty chưa thu thập Báo cáo tài chính năm 2010 của Tập đoàn BITECO và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà để làm căn cứ xem xét và chưa trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn. Do đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về ảnh hưởng của khoản mục này đến Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà năm tài chính 2011:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1410/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		373.971.945.714	383.540.517.401
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	48.711.441.948	64.363.092.670
1 Tiền	111		6.381.441.948	3.703.092.670
2 Các khoản tương đương tiền	112		42.330.000.000	60.660.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	9.270.000.000	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		9.270.000.000	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.605.425.440	172.975.391.234
1 Phải thu của khách hàng	131		131.480.845.092	154.227.761.168
2 Trả trước cho người bán	132		8.784.604.220	16.724.549.283
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	2.153.492.128	2.114.741.115
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(813.516.000)	(91.660.332)
IV Hàng tồn kho	140		159.989.615.325	129.571.363.465
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	159.989.615.325	129.571.363.465
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		14.395.463.001	16.630.670.032
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.313.526	242.063.108
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		14.359.149.475	16.388.606.924
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		15.061.563.560	43.392.566.496
II Tài sản cố định	220		1.403.245.007	26.266.524.069
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	1.403.245.007	21.306.561.024
- Nguyên giá	222		6.558.852.562	40.673.844.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.155.607.555)	(19.367.283.822)
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	-	4.959.963.045
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7.	4.526.750.000	16.676.750.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.526.750.000	16.676.750.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		9.131.568.553	449.292.427
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	9.131.568.553	449.292.427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		389.033.509.274	426.933.083.897

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		359.775.532.383	393.541.122.554
I Nợ ngắn hạn	310		340.873.953.590	382.683.690.780
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	203.750.248.163	174.314.038.779
2 Phải trả người bán	312		78.997.871.771	43.281.524.439
3 Người mua trả tiền trước	313		33.877.061.710	145.922.127.168
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	7.667.300.151	2.900.392.687
5 Phải trả người lao động	315		9.317.652.412	13.345.130.822
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	1.560.020.507	2.067.556.937
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	5.703.798.876	852.919.948
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II Nợ dài hạn	330		18.901.578.793	10.857.431.774
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	18.853.327.000	10.802.494.981
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		48.251.793	54.936.793
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		29.257.976.891	33.391.961.343
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	29.257.976.891	33.391.961.343
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.696.730.000	4.696.730.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		(8.791.267.498)	(8.791.267.498)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.652.900.665	2.388.599.191
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		969.242.239	704.940.765
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.730.371.485	6.392.958.885
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		389.033.509.274	426.933.083.897

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Dương Văn Báu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	464.580.363.400	381.247.052.494
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16.	-	60.451.818
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17.	464.580.363.400	381.186.600.676
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18.	435.715.725.184	358.634.901.124
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.864.638.216	22.551.699.552
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19.	8.221.433.451	7.495.383.476
7 Chi phí tài chính	22	VI.20.	23.862.074.573	15.280.362.413
Trong đó: Chi phí lãi vay			23.287.252.036	14.324.572.413
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.1	800.413.708	953.845.500
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.2	13.247.489.811	6.907.907.482
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(823.906.425)	6.904.967.633
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.3	16.856.099.333	568.787.636
12 Chi phí khác	32	VIII.2.4	14.799.337.964	425.715.957
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.056.761.369	143.071.679
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.232.854.944	7.048.039.312
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21.	388.518.806	1.762.009.828
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		844.336.138	5.286.029.484
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24.	347	2.461

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Dương Văn Báu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.232.854.944	7.048.039.312
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.398.832.435	6.218.122.789
- Các khoản dự phòng	03		721.855.668	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.497.404.415)	(7.506.031.155)
- Chi phí lãi vay	06		23.287.252.036	14.324.572.413
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		20.143.390.668	20.084.703.359
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59.339.239.842	(43.173.696.763)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.418.251.860)	(21.543.761.444)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(67.290.862.316)	37.363.283.523
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.476.526.544)	431.987.600
- Tiền lãi vay đã trả	13		(39.239.016.988)	(14.324.572.413)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(859.447.350)	(1.693.004.089)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.253.683.952	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(110.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(65.547.790.596)	(22.965.510.227)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(555.116.014)	(8.594.197.444)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.091.467.650	480.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.538.890.400)	(380.494.347.977)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.111.202.118	390.114.347.977
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		3.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.939.230.118	6.404.340.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.547.893.472	2.910.143.032
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	17.521.730.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(4.349.229.450)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		388.604.863.677	311.318.346.646
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(349.442.822.275)	(313.254.291.467)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.813.795.000)	(996.060.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.348.246.402	10.240.495.729
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(15.651.650.722)	(9.814.871.466)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.363.092.670	74.177.964.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	48.711.441.948	64.363.092.670

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Đương Văn Báu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà, tiền thân là Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Công ty Vật tư thiết bị - trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 63 TCT/TCLĐ ngày 01/01/1994 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà. Theo Quyết định số 01 TCT/TCLĐ ngày 19/11/1996 Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1 được đổi tên thành Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 thuộc Công ty Xây lắp Vật tư Vận tải Sông Đà 12 kể từ ngày 20/11/1996. Theo Quyết định số 21 TCT/TCĐT ngày 21/03/2002 Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 được đổi tên thành Xí nghiệp Sông Đà 12.1 thuộc Công ty Sông Đà 12. Sau đó Xí nghiệp Sông Đà 12.1 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà theo Quyết định số 1156/QĐ - BXD ngày 14/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005151 ngày 19/08/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 06 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **28.000.000.000 đồng** (Hai mươi tám tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó:

Tỷ lệ vốn nhà nước:

6,25 % vốn điều lệ

Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng khác:

93,75 % vốn điều lệ

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDS.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xây lắp, sản xuất kinh doanh và dịch vụ tổng hợp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở và đô thị;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu, sân bay);
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa, trạm bơm);
- Xây dựng đường dây tải điện và trạm biến thế;
- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu, hạ tầng kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Lập tổng dự toán xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Tư vấn lập hồ sơ thầu và lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực xây dựng;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thẩm tra dự án, thẩm tra thiết kế, thẩm tra tổng dự toán, công trình;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

- Sản xuất, lắp đặt cửa kính, khung nhôm, cửa cuốn;
- Sản xuất, lắp đặt vách ngăn, trần giả bằng mọi chất liệu, gia công lắp dựng hoa, cửa sắt, lan can inox;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân;
- Kinh doanh khai thác dịch vụ về nhà ở, văn phòng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng karaoke, vũ trường, quán bar)
- Kinh doanh máy móc, nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất (không bao gồm những mặt hàng nhà nước cấm);
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" Công ty chưa áp dụng cho kỳ hoạt động này.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán của Tập đoàn Sông Đà.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng, được ghi nhận theo hợp đồng và giấy chuyển tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** hàng tồn kho được tính theo giá gốc

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc

6 - 8

Máy móc, thiết bị

5 - 12

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

8 - 12

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 8

Tài sản khác

3 - 4

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mỏ được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư theo hợp đồng và phiếu chi, phiếu chuyển tiền cụ thể.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Lắp Sông Đà, Tập đoàn BITECO được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư theo hợp đồng và phiếu chi, phiếu chuyển tiền cụ thể.

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm và trên một năm, chi phí sửa chữa văn phòng.

Giá trị thương hiệu Sông Đà, không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình chuyển sang chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong 10 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí thi công các hạng mục công trình đã thực hiện nhưng chưa phát hành hoá đơn, chi phí lãi vay. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, các Biên bản nghiệm thu, phiếu giá. Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, lãi suất và thời hạn vay.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng trợ cấp mất việc làm của công ty được trích lập bằng 3% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội theo Quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 về việc trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực mua trên sàn từng thời điểm khớp lệnh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá như cát, xi măng, thép xây dựng, xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế..., Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán...

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác (tiền lãi trả cho công nhân lái xe về khoản tiền đặt cọc).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

226

3 T
M H
VÀ Đ
NA
T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Nguyên tắc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa theo thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế. Theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

Y
U
H
I
N
H
C
P
V

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Tiền mặt</i>	28.956.945	328.758.865
Văn phòng Công ty	22.426.052	328.701.379
Chi nhánh	6.530.893	57.486
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	6.352.485.003	2.283.290.805
Ngân hàng Công thương Ba Đình Hà Nội	4.662.368	7.864.123
Ngân hàng NNo & PTNT Bắc Hà Nội	4.183.961.743	1.787.295.065
Chi nhánh Ngân hàng Công thương - CN Đống Đa	-	1.014.626
Ngân hàng NNo & PTNT huyện Than Uyên - Lai Châu	1.045.333	1.045.333
Ngân hàng Công thương - CN Thành phố Nam Định	7.487.696	14.843.245
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	2.008.962.468	3.843.417
Ngân hàng NNo & PTNT Hồng Hà	11.658.776	1.999.430
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội	119.655.948	59.959.903
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	6.034.911	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	1.000.000	-
Ngân hàng Công thương Nam Định	1.920.834	-
Công ty Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	6.094.926	405.425.663
<i>Tiền đang chuyển</i>	-	1.091.043.000
Công ty Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	-	1.091.043.000
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	42.330.000.000	60.660.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	-	13.910.000.000
Tiền gửi ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	33.380.000.000	23.000.000.000
Tiền gửi ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	8.950.000.000	22.550.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Công thương Ba Đình	-	1.200.000.000
Tổng cộng	48.711.441.948	64.363.092.670

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		260,000,000		-
Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội.		260,000,000		-
<i>Cho vay</i>		360,000,000		-
Tạ Đức		360,000,000		-
<i>Góp vốn cổ phần</i>	865,000	8,650,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mỏ (*)	865,000	8,650,000,000	-	-

(*) Công ty đang tiến hành việc chuyển nhượng ngang giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Thủy điện Nậm Mỏ cho Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, công việc sẽ hoàn tất trước ngày 30/6/2012. Theo đó khoản đầu tư này được coi là đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2011 và không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu khác	2,153,492,128	2,114,741,115
<i>Tiền BHXH, BHYT phải thu người lao động</i>	218,641,342	47,707,159
<i>Phan Phúc Ngân</i>	3,119,700	2,111,400
<i>Tạ Hải</i>	1,450,755,918	1,379,612,082
<i>Công ty Liên doanh - 89 Nguyễn Khuyến</i>	-	134,677,515
<i>Chu Văn Công - Công trình khẩn quàng đở</i>	-	11,330,127
<i>Nguyễn Văn Đông - Công ty Bình Điền</i>	-	19,838,243
<i>Công ty Bông sen trắng</i>	-	473,134,384
<i>Nguyễn Thành Trung</i>	150,977,989	-
<i>Quỹ khen thưởng</i>	42,309,615	42,830,205
<i>Đối tượng khác</i>	287,687,564	3,500,000
Tổng cộng	2,153,492,128	2,114,741,115

4. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	90,321,545	1,444,958,691
Công cụ, dụng cụ	19,145,786	753,693

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	159.880.147.994	128.125.651.081
Công trình Thanh thiếu niên Tuyên Quang	293.015.355	1.125.517.189
Công trình Thủy điện Nậm Mỏ	15.818.492.125	12.103.291.449
Công trình Nhà khách Kim Bình	452.571.100	1.377.574.638
Công trình Khai thác cát Na Hang	3.487.811.058	1.764.517.779
Công trình Thủy điện Bình Điền	8.870.026.483	3.557.979.885
Công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long	2.003.055.377	1.564.936.241
Công trình Trung tâm bưu chính KV2	1.382.592.570	1.382.592.570
Công trình Chung cư HH4	15.071.754.166	20.057.088.969
Công trình Hoàn thiện Ngân hàng No Bắc Hà Nội	-	387.255.463
Công trình Trường CNKT Bắc Ninh	-	1.533.908.506
Công trình Đabaco II	3.440.624.968	3.426.170.608
Công trình Khách sạn Nàng Hương	-	6.436.998.023
Công trình CT1 - Hoàng Văn Thụ	6.568.513.623	4.941.470.778
Công trình Thủy điện Nho Quế	2.219.735.495	37.806.596.901
Công trình nhà ở - Đô thị Văn Phú	485.639.617	3.147.775.590
Bệnh viện Trường Lâm	12.974.636.937	10.295.997.435
Bệnh viện Thanh Hà	5.591.555.642	6.631.472.854
Công trình hội trường đa năng	-	6.069.615.660
Công trình nhà ở sinh viên Thái nguyên	1.456.542.457	642.891.699
Công trình nhà kho Nghĩa Đô	-	496.556.222
Công trình Trung tâm điều hành thủy điện Tuyên Quang	3.179.504.098	3.375.442.622
Công trình Thi công cảnh quan	1.891.866.161	
Công trình Trạm điện	1.788.915.617	-
Công trình Nhà ở Viện Bông	40.690.310.332	-
Công trình Nhà ở Xuân Phương	31.958.660.603	-
Công trình khác	254.324.210	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	159.989.615.325	129.571.363.465

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011
 (tiếp theo)

(tiếp theo)				Đơn vị tính: VND		
Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011		995.004.433	25.141.041.865	14.440.546.414	97.252.134	40.673.844.846
Mua trong kỳ		-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành		-	-	-	-	-
Tăng khác		-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	(21.820.370.098)	(12.294.622.186)	-	(34.114.992.284)
Thanh lý, nhượng bán		-			-	-
Giảm khác		-	3.320.671.767	2.145.924.228	97.252.134	6.558.852.562
Số dư ngày 31/12/2011		995.004.433				
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011		995.004.433	13.486.144.294	4.788.882.961	97.252.134	19.367.283.822
Khấu hao trong kỳ		-	3.337.484.058	2.061.348.377	-	5.398.832.435
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	(13.532.727.866)	(6.077.780.836)	-	(19.610.508.702)
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011		995.004.433	3.290.900.486	772.450.502	97.252.134	5.155.607.555
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2011		-	11.654.897.571	9.651.663.453	-	21.306.561.024
Tại ngày 31/12/2011		-	29.771.281	1.373.473.726	-	1.403.245.007

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.092.256.567 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	4,959,963,045
Làm nền bãi kho trữ	-	492,619,047
Chi phí sửa chữa cải tạo Công ty	-	4,262,083,163
Khu xưởng Công ty	-	205,260,835
Tổng cộng	-	4,959,963,045

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác	-	4,526,750,000	865,000	16,676,750,000
Tập đoàn BITECO		3,000,000,000		3,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà		1,526,750,000		1,526,750,000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mờ	-	-	865,000	8,650,000,000
Hợp tác xã Phương Đông	-	-	-	3,500,000,000

(*) Công ty đang tiến hành việc chuyển nhượng ngang giá khoản đầu tư dài hạn tại Công ty Thủy điện Nậm Mờ cho Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc, công việc sẽ hoàn tất trước ngày 30/6/2012. Theo đó khoản đầu tư này được coi là đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2011.

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	86,363,636	303,459,452
Chi phí cải tạo trụ sở cơ quan	8,949,371,942	-
Giá trị thương hiệu Sông Đà chuyển từ tài sản vô hình sang chi phí trả trước dài hạn	95,832,975	145,832,975
Tổng cộng	9,131,568,553	449,292,427

9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	203,750,248,163	174,314,038,779
Ngân hàng No & PTNT Bắc Hà Nội (1)	90,528,699,781	110,609,735,782
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (2)	2,990,182,521	-
Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (3)	58,988,055,297	55,094,428,303
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (4)	51,243,310,564	8,609,874,694
Tổng cộng	203,750,248,163	174,314,038,779

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

(1): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng No & PTNT Bắc Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1440-LAV-201100592 ngày 01/06/2011. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời điểm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(2): Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình theo Hợp đồng tín dụng số 14.11/HĐHM/II.15 ngày 01/07/2011. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời điểm.

(3): Khoản vay ngắn hạn của Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 31/TDĐT-HM/TCĐK-CNNĐ ngày 27/6/11. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời điểm..

(4): Khoản vay ngắn hạn của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo Hợp đồng tín dụng số 00200046/012/11/HM ngày 14/4/11. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời điểm.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2011	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Thuế GTGT đầu ra	2.203.302.493	10.210.075.384	5.178.792.818	7.234.585.059
Thuế thu nhập doanh nghiệp	635.098.052	388.518.806	859.447.350	164.169.508
Thuế thu nhập cá nhân	61.992.142	849.714.150	643.160.708	268.545.584
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.900.392.687			7.667.300.151

11. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí Công ty Sản xuất xây dựng dịch vụ Đại An		
Trích trước chi phí Kinh phí thầu chính Công trình NMXM Hạ Long	138.182.898	861.319.395
Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Công trình phụ trợ Tuyên Quang	8.927.371	8.927.371
Công trình BHXH tỉnh Nghệ An	113.781.373	113.781.373
Công trình khảo sát và Cảnh quan thủy điện Tuyên Quang	-	19.619.256
Công trình Nhà kho Nghĩa Đô	74.881.463	-
Công trình Học viện Bộ Công an	74.373.686	-
Công trình Bông Sen trắng	-	1.063.909.542
Chi phí lãi vay	1.149.873.716	-
Tổng cộng	1.560.020.507	2.067.556.937

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	301.342.537	128.141.799
Bảo hiểm xã hội	925.174.516	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

Bảo hiểm thất nghiệp	70,900,329	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4,406,381,494	724,778,149
Quỹ SODACO	61,911,286	54,678,589
Đoàn phí công đoàn cơ quan	53,058,974	27,934,569
Phải trả tiền chia cổ tức	78,315,000	19,510,000
Bộ phận kinh doanh	84,037,380	56,362,520
Tiền lương tạm giữ	552,850,000	552,850,000
BHXH thanh toán theo chế độ	1,517,966	12,437,246
Đoàn Sĩ Lâm	60,841,438	-
Đặng Thị Mai Liên	840,000,000	-
Lãi vay phải trả CBCNV	224,457,222	-
Nguyễn Đức Lâm	152,279,228	-
Phải trả khác	2,297,113,000	1,005,225
Tổng cộng	5,703,798,876	852,919,948

13. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	18,663,327,000	8,937,494,981
Ngân hàng NN & PTNT Bắc Hà Nội	583,327,000	1,680,494,981
Chi nhánh HTX Tân Phú (1)	11,350,000,000	-
Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Nam Định	-	7,257,000,000
Cán bộ công nhân viên (2)	6,730,000,000	
Nợ dài hạn	190,000,000	1,865,000,000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật cơ điện MEE	190,000,000	190,000,000
Công ty Cổ phần Xây dựng Viễn Đông (FARECO)	-	1,675,000,000
Tổng cộng	18,853,327,000	10,802,494,981

(1): Khoản vay dài hạn của Chi nhánh HTX Tân Phú theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐVY/SODACO-TANPHU. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất 14%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(2): Khoản vay dài hạn của các cá nhân theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐVV/15T; 02/2011/HĐVV/15T; 03/2011/HĐVV/15T; 04/2011/HĐVV/15T; 05/2011/HĐVV/15T; 06/2011/HĐVV/15T; 07/2011/HĐVV/15T; 08/2011/HĐVV/15T. Mục đích của khoản vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời điểm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011
 (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	6	7
Số dư tại ngày 01/01/2010	15.000.000.000	175.000.000	(8.791.267.498,00)	2.847.517.583	9.231.250.085
- Tăng vốn trong năm trước	13.000.000.000	4.521.730.000	-	-	17.521.730.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	5.286.029.484	5.286.029.484
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(1.740.588.182)	(1.740.588.182)
Số dư tại ngày 31/12/2010	28.000.000.000	4.696.730.000	(8.791.267.498)	6.392.958.885	30.298.421.387
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	844.336.138	844.336.138
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(5.506.923.538)	(5.506.923.538)
Số dư tại ngày 31/12/2011	28.000.000.000	4.696.730.000	(8.791.267.498)	1.730.371.485	25.635.833.987

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

31/12/2011	01/01/2011
VND	VND

Vốn góp của các đối tượng khác

28.000.000.000 28.000.000.000

Cộng

28.000.000.000 28.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28.000.000.000	28.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	28.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	13.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	28.000.000.000	28.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.872.600.000	-

đ) Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.800.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.800.000	2.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	363.700	363.700
- Cổ phiếu phổ thông	363.700	363.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.436.300	2.436.300
- Cổ phiếu phổ thông	2.436.300	2.436.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2011	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	2.388.599.191	264.301.474	-	2.652.900.665
Quỹ dự phòng tài chính	704.940.765	264.301.474	-	969.242.239
Tổng cộng	3.093.539.956	528.602.948	-	3.622.142.904

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	126.583.926.597	71.141.305.487
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.508.091.463	2.119.199.091
Doanh thu hoạt động xây lắp	316.488.345.340	307.986.547.916
Tổng cộng	464.580.363.400	381.247.052.494
16. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	60.451.818
Tổng cộng	-	60.451.818
17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	126.583.926.597	71.080.853.669
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	21.508.091.463	2.119.199.091
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	316.488.345.340	307.986.547.916
Tổng cộng	464.580.363.400	381.186.600.676
18. Giá vốn hàng bán	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	122.413.046.680	68.030.085.589
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.377.636.674	1.981.995.302
Giá vốn hoạt động xây lắp	291.925.041.830	288.622.820.233
Tổng cộng	435.715.725.184	358.634.901.124
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.221.433.451	7.495.383.476
Tổng cộng	8.221.433.451	7.495.383.476
20. Chi phí tài chính	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.287.252.036	14.324.572.413
Chi phí tài chính khác	574.822.537	955.790.000
Tổng cộng	23.862.074.573	15.280.362.413

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	489.657.896.184	389.250.771.788
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	488.425.041.240	382.202.732.476
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.232.854.944	7.048.039.312
+ Chi phí không tính thuế thu nhập doanh nghiệp	321.220.280	-
Chi phạt	270.741.947	-
Chi phí lãi vay vượt định mức	50.478.333	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.554.075.224	7.048.039.312
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	388.518.806	1.762.009.828
22. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.910.971.030	248.685.493.911
Chi phí nhân công	49.700.197.306	69.227.624.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.398.832.435	6.218.122.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.703.973.587	33.552.186.417
Chi phí khác bằng tiền	21.013.467.904	8.813.226.126
Tổng cộng	337.727.442.262	366.496.654.106
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	844.336.138	5.286.029.484
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	844.336.138	5.286.029.484
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.436.300	2.148.325
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	347	2.461

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

24. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chuyển công nợ phải thu sang đầu tư vào công ty liên kết	-	2.000.000.000

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mỏ	Bên nhận góp vốn	7.144.142.525	11.988.277.620
Công ty Cổ phần BITECO	Bên nhận góp vốn	118.137.273	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3 753 4070 Fax: (84 - 04) 3 753 4070

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương	864.887.526	695.352.000
Tiền thưởng	-	15.300.000
Tổng cộng	864.887.526	710.652.000

1.3 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mỏ	Bên nhận góp vốn	8.128.407.117	17.135.897.020
Công ty Cổ phần BITECO	Bên nhận góp vốn	129.591.000	-

2. Những thông tin khác**2.1 Chi phí bán hàng**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên	418.424.977	317.745.568
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.314.732	3.808.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.135.286	21.435.517
Chi phí bằng tiền khác	331.538.713	610.855.915
Tổng cộng	800.413.708	953.845.500

2.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.025.316.074	4.563.250.151
Chi phí vật liệu quản lý	1.306.789.696	302.510.617
Chi phí đồ dùng văn phòng	366.675.078	237.560.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	196.190.052	184.642.542
Thuế, phí và lệ phí	415.721.684	289.556.442
Chi phí dự phòng	721.855.668	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.837.084.442	345.260.152
Chi phí bằng tiền khác	377.857.117	985.127.150
Tổng cộng	13.247.489.811	6.907.907.482

2.3 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu từ nhượng bán thanh lý TSCĐ	16.780.454.546	515.578.545
Thu nhập khác	75.644.787	53.209.091
Tổng cộng	16.856.099.333	568.787.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

(tiếp theo)

2.4 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thanh lý TSCĐ	14.504.483.582	425.715.957
Phạt thuế và truy thu thuế	270.741.947	-
Chi phí khác	24.112.435	-
Tổng cộng	14.799.337.964	425.715.957

2.5 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Dương Văn Báu